

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY  
ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5678/QĐ-EVNHCMC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về nội dung, trình tự thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư xây dựng lưới điện đến 35 kV áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP. HCM**

### TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-BCT ngày 05/02/2010 của Bộ Công Thương về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng Công ty Điện lực TP. HCM;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-EVN ngày 25/9/2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TP. HCM;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-EVN ngày 05/8/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực TP. HCM;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP. HCM về việc ban hành Quy chế quản trị trong Tổng công ty Điện lực TP. HCM có hiệu lực từ ngày 01/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 3456/QĐ-EVNHCMC ngày 08/7/2025 của Tổng công ty Điện lực TP. HCM về việc ban hành Chương trình xây dựng Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty Điện lực TP. HCM năm 2025 hiệu chỉnh (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 3831/QĐ-EVNHCMC ngày 28/7/2025 của Tổng công ty Điện lực TP. HCM về việc ban hành Hướng dẫn xây dựng, ban hành QCQLNB, Tài liệu nội bộ trong Tổng công ty Điện lực TP. HCM

Xét văn bản số 352/PC ngày 31/10/2025 của Ban Kiểm tra Thanh tra và Pháp chế về việc thẩm định pháp lý Quy định về nội dung, trình tự thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư xây dựng lưới điện đến 35 kV áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP. HCM;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đầu tư tại Tờ trình số 914/ĐT ngày 31/10/2025.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là nội dung “Quy định về nội dung, trình tự thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư xây dựng



lưới điện đến 35kV áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP. HCM”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2025.

**Điều 3.** Ban Quản lý đầu tư phối hợp với Ban Kiểm tra Thanh tra và Pháp chế và Ban Tổ chức và Nhân sự thực hiện phổ biến nội dung Quy định này cho các đối tượng áp dụng kể từ ngày ban hành Quyết định này.

**Điều 4.** Trưởng ban ISO Tổng công ty, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng, Thủ trưởng và Trưởng ban chất lượng các đơn vị trực thuộc Tổng công ty căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TV Đảng ủy (để báo cáo);
- HĐTV (để báo cáo);
- Các Phó TGD (để biết);
- KSVCT (để biết);
- Ban TH, KTGS (để biết);
- ĐU, CĐ, ĐTN (để biết);
- Lưu: VT, ĐT, TBM.



**Nguyễn Văn Thanh**

CÔNG  
N LỰ  
NH PH  
HÍ M  
09511

**QUY ĐỊNH**  
**VỀ NỘI DUNG, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THẨM TRA,**  
**THẨM ĐỊNH CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LƯỚI ĐIỆN ĐẾN 35 KV**  
**ÁP DỤNG TRONG TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HCM**

**I. CÁC TÀI LIỆU CÓ LIÊN QUAN:**

1. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14.

2. Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội và các Nghị định, Thông tư liên quan đến quy định về quy hoạch phát triển điện lực, đầu tư xây dựng dự án điện lực; phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; giấy phép hoạt động điện lực; thị trường điện cạnh tranh, hoạt động mua bán điện; điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia; bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động điện lực và sử dụng điện; quản lý nhà nước về điện lực.

3. Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.

4. Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quy định quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

5. Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

6. Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của Tập đoàn về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

7. Quyết định số 69/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực TP. HCM về việc ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực TP. HCM.

8. Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP. HCM về việc ban hành Quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP. HCM.

9. Quyết định số 2589/QĐ-EVNHCMC ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP. HCM về việc phân cấp cho Giám đốc các đơn vị trực thuộc EVNHCMC.

## II. NỘI DUNG CHÍNH:

### Phần I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

##### 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định về nội dung, trình tự thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư xây dựng lưới điện đến 35 kV (Đường dây và trạm biến áp) do Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ đầu tư gồm: thẩm tra, thẩm định dự án đầu tư xây dựng (báo cáo nghiên cứu khả thi/ báo cáo kinh tế kỹ thuật), thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế kỹ thuật/ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán), trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thẩm tra, thẩm định.

##### 2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với EVNHCMC, các đơn vị trực thuộc EVNHCMC và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư xây dựng lưới điện đến 35 kV áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP. HCM.

#### Điều 2. Định nghĩa và thuật ngữ viết tắt

##### 1. Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) Đơn vị: gồm các đơn vị trực thuộc EVNHCMC.
- b) Đơn vị Quản lý dự án (QLDA): là các Ban Quản lý dự án thuộc Tổng công ty hoặc bộ phận được giao quản lý dự án thuộc các Đơn vị trực thuộc Tổng công ty (quản lý dự án theo hình thức chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình có tổng mức đầu tư theo phân cấp tại Quyết định số 2589/QĐ-EVNHCMC ngày 30/5/2025).
- c) Bộ phận thẩm định: là bộ phận được giao nhiệm vụ thẩm định thuộc cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư.
- d) Thẩm tra: việc kiểm tra, đánh giá về chuyên môn của tổ chức, cá nhân (tư vấn thẩm tra) có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng đối với những nội dung cần thiết trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư xây dựng làm cơ sở cho công tác thẩm định.
- đ) Kiểm tra: là công tác rà soát của Đơn vị Quản lý dự án, bộ phận thẩm định trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt đối với các dự án phải trình các Đơn vị cấp trên (dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án vượt phân cấp Đơn vị).

e) Thẩm định là việc kiểm tra, đánh giá của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với những nội dung cần thiết trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư xây dựng làm cơ sở xem xét, phê duyệt.

2. Trong Quy định này, những chữ viết tắt được hiểu như sau:

- EVN: Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- EVNHCMC: Tổng công ty Điện lực TP. HCM.
- BCNCKT: Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.
- BCKTKT: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
- TKCS: Thiết kế cơ sở.
- TKKT: Thiết kế kỹ thuật.
- TKBVTC: Thiết kế bản vẽ thi công.
- TMĐT: Tổng mức đầu tư.
- DT: Dự toán.
- QLDA: Quản lý dự án.

3. Các từ ngữ khác trong Quy định này đã được giải nghĩa Luật Xây dựng, Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVNHCMC và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật**

1. Trong Quy định này, mọi dẫn chiếu liên quan đến bất kỳ một văn bản quy phạm pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế của văn bản đó.

2. Đối với những nội dung công việc không được quy định cụ thể trong Quy định này, các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, EVN, EVNHCMC ban hành và các quy định khác có liên quan.

## **Phần II**

### **QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ VÀ NỘI DUNG CÔNG TÁC THẨM TRA, THẨM ĐỊNH**

#### **Điều 4. Trình tự thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định.**

1. Trình tự thực hiện công tác thẩm tra, góp ý, thẩm định cơ bản gồm các bước như sau:

a) Bước 1: thuê đơn vị tư vấn thẩm tra đối với các dự án bắt buộc thuê tư vấn

thẩm tra theo quy định tại Khoản 1 Điều 5. Trường hợp dự án không thực hiện thuê tư vấn thẩm tra thì trình tự thực hiện bắt đầu từ bước 2.

b) Bước 2: Đơn vị QLDA gửi hồ sơ cho các đơn vị liên quan góp ý, bao gồm:

- Tư vấn thẩm tra (nếu có thuê tư vấn thẩm tra);
- Đơn vị Điều độ;
- Đơn vị quản lý vận hành;
- Công ty Công nghệ thông tin Điện lực TP. HCM (nếu có);
- Các bộ phận trong nội bộ Đơn vị QLDA phụ trách: kế hoạch, kỹ thuật, vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, quản lý chi phí, bồi thường hỗ trợ tái định cư (nếu có) tham gia có ý kiến góp ý. Các bộ phận này gửi ý kiến góp ý cho bộ phận được giao chủ trì thuộc Đơn vị QLDA lập hồ sơ để tổng hợp.

c) Bước 3: Bộ phận được giao chủ trì lập hồ sơ thuộc Đơn vị QLDA tập hợp ý kiến gửi cho đơn vị tư vấn lập dự án, thiết kế, dự toán làm rõ, sửa đổi. Trường hợp cần thiết phải làm rõ và sửa đổi nhiều nội dung thì Đơn vị QLDA tổ chức họp với các đơn vị liên quan và ra văn bản yêu cầu đơn vị tư vấn sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

d) Bước 4: Bộ phận được giao chủ trì lập hồ sơ thuộc Đơn vị QLDA xem xét, rà soát các ý kiến, nội dung góp ý, sửa đổi, hoàn thiện hồ sơ, trình thẩm định phê duyệt.

đ) Bước 5: Bộ phận thẩm định kiểm tra, lập báo cáo thẩm định trình phê duyệt. Trường hợp dự án phải trình EVNHCMC phê duyệt thì bộ phận thẩm định thuộc Đơn vị QLDA lập tờ trình, thông qua lãnh đạo Đơn vị QLDA để trình EVNHCMC.

e) Trình tự thực hiện chi tiết theo 02 lưu đồ từ Phụ lục I.1 đến Phụ lục I.2, gồm:

- Phụ lục I.1. Lưu đồ thẩm tra, thẩm định, phê duyệt BCKTKT, BCNCKT, TKKT, TKBVTC, DT do các đơn vị thuộc Tổng công ty phê duyệt.
- Phụ lục I.2. Lưu đồ thẩm tra, thẩm định, phê duyệt BCNCKT, TKKT, TKBVTC, DT do Tổng công ty phê duyệt.

2. Quá trình thực hiện các bước tại khoản 1, Điều này có thể thay đổi theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (các cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc,...), hoặc trong trường hợp cần thiết, các đơn vị có thể thực hiện song song các bước công tác tại các lưu đồ để tiết kiệm thời gian nhưng phải đảm bảo chất lượng của công tác thẩm tra, thẩm định và thời gian phát hành văn bản đúng theo trình tự ĐTXD.

3. Các thông tin trao đổi bằng văn bản cần được tập trung thông qua một đầu mối (do các Đơn vị quy định) để tránh chồng chéo, đảm bảo tính thống nhất về thông tin trong quá trình thực hiện. Hồ sơ, tài liệu (bản vẽ, thuyết minh, văn bản pháp lý...) gửi đính kèm khuyến khích gửi bằng tập tin.

4. Các ý kiến trao đổi, ý kiến thẩm tra, thẩm định trong quá trình phải được lập bằng văn bản hoặc thực hiện theo module quy định thẩm tra, thẩm định trên IMIS và xác nhận cuối cùng phải có chữ ký của lãnh đạo phụ trách.

5. Các Đơn vị, bộ phận liên quan phải có ý kiến góp ý bằng văn bản kê cả trong trường hợp thống nhất vẫn phải có văn bản thống nhất hoặc thực hiện theo module quy định thẩm tra, thẩm định trên IMIS. Trường hợp bộ phận chuyên môn chậm trễ trong công tác góp ý, kiểm tra, thẩm tra, thẩm định thì sẽ chịu trách nhiệm trước lãnh đạo EVNHCMC, lãnh đạo đơn vị và bị xem xét trách nhiệm theo quy định.

### **Điều 5. Tư vấn thẩm tra**

1. Các dự án lưới điện yêu cầu thuê tư vấn thẩm tra tại tất cả các bước thiết kế, gồm:

a) Các dự án sử dụng vốn đầu tư công.

b) Các dự án lưới điện không sử dụng vốn đầu tư công có cấp điện áp đến 35 kV thì thuê tư vấn thẩm tra trong trường hợp có số bước thiết kế từ 02 bước trở lên.

c) Có yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn thuộc người quyết định đầu tư, người quyết định đầu tư.

2. Các dự án còn lại không thuộc Khoản 1, Điều này không bắt buộc thuê tư vấn thẩm tra.

3. Đối với các dự án phải trình cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, trước khi thuê tư vấn thẩm tra cần xin ý kiến hoặc có sự thống nhất của cơ quan chuyên môn về xây dựng về phạm vi, nội dung thẩm tra để phục vụ thẩm định.

4. Nội dung thẩm tra:

a) Thẩm tra phục vụ công tác thẩm định dự án, thiết kế và dự toán xây dựng theo quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 đối với BCNCKT, BCKTKT; Điều 7 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 đối với TMĐT; Điều 83 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 đối với TKKT/TKBVTC; Điều 13 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 đối với DT; các nội dung quy định tại các mẫu

QUỐC  
ÔNG T  
LỰC  
PHỐ  
MINH  
1119

báo cáo kết quả thẩm tra: mẫu số 02 – Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và mẫu số 09 – Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024; mẫu số 01 – Báo cáo kết quả thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng và mẫu số 04 – Báo cáo kết quả thẩm tra dự toán xây dựng công trình theo Phụ lục X của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021.

b) Đánh giá chi tiết, cụ thể về sự hợp lý của giải pháp thiết kế chính, bố trí công trình, kết cấu tối ưu, lựa chọn hệ số an toàn, biện pháp tổ chức xây dựng/biện pháp thi công... trong hồ sơ dự án/ thiết kế, dự toán công trình do Tư vấn thiết kế lập. Đảm bảo yêu cầu an toàn, ổn định, kinh tế - kỹ thuật và nâng cao hiệu quả đầu tư dự án/ công trình.

c) Các ý kiến đánh giá thẩm tra phải có luận cứ chặt chẽ, rõ ràng. Các nhận xét phải có cả định tính và định lượng. Đối với các giải pháp chính phải có tính toán cụ thể, độc lập để đối chứng, so sánh với giá trị tính toán của tư vấn lập dự án/thiết kế công trình, cụ thể các nội dung bắt buộc phải tính toán đối chứng (bảng tính phải có chữ ký của người lập, người kiểm tra, người chủ trì thẩm tra, và đại diện tổ chức thẩm tra và đóng dấu pháp nhân theo quy định), bao gồm:

- Kết cấu chịu lực của các trụ néo, trụ dừng, trụ đặt thiết bị.
- Kết cấu chịu lực của các nhà điều hành trạm, nhà đặt thiết bị, móng thiết bị.
- Tính toán ngắn mạch.
- Các nội dung thay đổi so với bước thiết kế trước đã được phê duyệt.
- Các trường hợp điều chỉnh thiết kế do có sự thay đổi về: địa chất công trình, tải trọng thiết kế, giải pháp kết cấu, vật liệu sử dụng cho kết cấu chịu lực và biện pháp tổ chức thi công có ảnh hưởng đến an toàn chịu lực của công trình.
- Vượt suất đầu tư, định mức do các EVN, EVNHCMC hoặc các cơ quan có thẩm quyền ban hành.
- Xem xét, đánh giá tính khả thi của phương án cắt điện thi công hoặc sử dụng công nghệ thi công không mất điện.
- Xem xét, đánh giá tính khả thi của phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư (trường hợp dự án có thực hiện bồi thường hỗ trợ tái định cư).
- Các trường hợp đặc thù khác theo từng loại dự án do đơn vị quy định nêu cần thiết.

d) Có phương án kiến nghị, đề xuất cụ thể để đơn vị tư vấn thiết kế hoàn thiện hồ sơ dự án.

đ) Đơn vị tư vấn thẩm tra phải có đầy đủ các phần mềm tính toán liên quan để thực hiện tính toán đối chứng độc lập.

## **Điều 6. Trách nhiệm của bộ phận thẩm định.**

1. Thực hiện thẩm định: thực hiện thẩm định theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 đối với BCNCKT, BCKTKT; Điều 7 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 đối với TMĐT; Điều 83 Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020 đối với TKKT/TKBVTC; Điều 13 Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 đối với DT. Trường hợp các dự án đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định (nếu có) thì bộ phận thẩm định tổng hợp kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và lập báo cáo thẩm định trình cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt, không thẩm định lại các nội dung cơ quan chuyên môn về xây dựng đã thực hiện.

2. Đối với các dự án phải trình các Đơn vị cấp trên (dự án vượt phân cấp Đơn vị), bộ phận thẩm định của từng cấp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ do Đơn vị QLDA trình, tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo lãnh đạo Đơn vị thông qua trước khi trình Đơn vị cấp trên. Nội dung kiểm tra theo hướng dẫn tại Phụ lục II.

## **Điều 7. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn lập dự án, thiết kế, dự toán**

1. Cung cấp thông tin, số liệu cần thiết đủ để phục vụ công tác thẩm tra bao gồm cả công tác tính toán đối chứng của tư vấn thẩm tra, thẩm định dự án (các thông số, số liệu đầu vào, sơ đồ kết cấu... và các yêu cầu khác của Tư vấn thẩm tra).

2. Phối hợp với đơn vị tư vấn thẩm tra để hoàn thiện hồ sơ dự án.

3. Giải trình, chỉnh sửa nội dung hồ sơ (nếu có) theo ý kiến đánh giá của Tư vấn thẩm tra. Yêu cầu tất cả các ý kiến phản hồi về đánh giá của Tư vấn thẩm tra phải được giải trình, luận cứ chứng minh đầy đủ, cụ thể hợp lý.

## **Điều 8. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị QLDA.**

1. Lựa chọn đơn vị tư vấn thẩm tra, tư vấn lập dự án, thiết kế, dự toán có đủ điều kiện năng lực để thực hiện.

2. Tổ chức kiểm tra, soát xét các nội dung công tác thẩm tra của tư vấn đáp ứng yêu cầu thẩm tra. Nội dung kiểm tra theo hướng dẫn tại Phụ lục II. Hồ sơ phải được hoàn chỉnh, đủ điều kiện trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án/thiết kế, dự toán công trình.

3. Xử phạt Tư vấn thẩm tra nếu hồ sơ tư vấn thiết kế sau thẩm tra đã cập nhật đầy đủ ý kiến thẩm tra nhưng khi thẩm định vẫn phát hiện nhiều sai sót, phải hiệu chỉnh, bổ sung nhiều lần theo Điều 10. Kết quả thực hiện của Tư vấn thẩm tra được đối chiếu với các nội dung được phê duyệt làm cơ sở để nghiệm thu, đánh giá chất lượng và nghiệm thu, thanh toán chi phí thẩm tra (cần quy định rõ trong

Hợp đồng thuê Tư vấn thẩm tra).

**Điều 9. Thời gian thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định.**

1. Thời gian thẩm tra BCNCKT, BCKTKT khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ: không quá 05 ngày làm việc.

2. Thời gian thẩm tra TKKT, TKBVTC, DT khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ: không quá 05 ngày làm việc.

3. Thời gian thẩm định BCNCKT, BCKTKT khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ: không quá 10 ngày làm việc.

4. Thời gian thẩm định TKKT, TKBVTC, DT khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ: không quá 10 ngày làm việc.

5. Khi kết thúc công tác thẩm tra, thẩm định, trong khoảng thời gian nêu trên, đơn vị thẩm tra, thẩm định phải có ý kiến chính thức bằng văn bản hoặc trên hệ thống thông tin về nội dung thẩm tra, thẩm định, yêu cầu hiệu chỉnh (nếu có).

6. Thời gian thẩm tra, thẩm định hồ sơ điều chỉnh ở các lần tiếp theo không vượt quá 2/3 (hai phần ba) thời gian thẩm tra, thẩm định nêu trên. Trường hợp cần thiết gia hạn thì phải được sự đồng ý của cấp phê duyệt và không vượt quá thời gian thẩm tra, thẩm định nêu trên.

**Điều 10. Xử lý vi phạm trong quá trình thẩm tra, thẩm định.**

1. Thực hiện xử lý vi phạm trong quá trình thẩm tra, thẩm định theo hợp đồng tư vấn đã ký và theo Điều 100, Điều 101 và Điều 103 Quyết định 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 về Quy chế công tác Đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP. HCM.

2. Đánh giá chất lượng tư vấn thẩm tra theo Quy định về công tác đánh giá chất lượng nhà thầu thực hiện hợp đồng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam ban hành tại Quyết định số 61/QĐ-EVN ngày 27/01/2023.

**Điều 11. Sự liên hệ của các Tài liệu liên quan đến Quy định**

ST T	Căn cứ 1	Căn cứ 2	Căn cứ 3	Căn cứ 4	Căn cứ 5	Căn cứ 6	Căn cứ 7	Căn cứ 8	Căn cứ 9	Quy định hiện hành
1									Liên quan	Điều 2 của Quy định
2	Điều 58, 83; khoản 15, 25 Điều 1		Mẫu số 02, 09 Phụ lục I	Điều 7; Điều 13						Điều 5 của Quy định

ST T	Căn cứ 1	Căn cứ 2	Căn cứ 3	Căn cứ 4	Căn cứ 5	Căn cứ 6	Căn cứ 7	Căn cứ 8	Căn cứ 9	Quy định hiện hành
3	Điều 58, 83; khoản 15, 25 Điều 1			Điều 7; Điều 13						Điều 6 của Quy định
4	Liên quan		Liên quan							Điều 9 của Quy định
5								Điều 100, 101, 103		Điều 10 của Quy định

### Ghi chú:

Căn cứ 1: Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14.

Căn cứ 2: Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội và các Nghị định, Thông tư liên quan đến quy định về quy hoạch phát triển điện lực, đầu tư xây dựng dự án điện lực; phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; giấy phép hoạt động điện lực; thị trường điện cạnh tranh, hoạt động mua bán điện; điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia; bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực; trách nhiệm, quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động điện lực và sử dụng điện; quản lý nhà nước về điện lực.

Căn cứ 3: Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.

Căn cứ 4: Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quy định quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Căn cứ 5: Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Căn cứ 6: Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của Tập đoàn về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Căn cứ 7 : Quyết định số 69/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực TP. HCM về việc ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực TP. HCM.

Căn cứ 8: Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP. HCM về việc ban hành Quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TP. HCM.

Căn cứ 9: Quyết định số 2589/QĐ-EVNHCMC ngày 30/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP. HCM về việc phân cấp cho Giám đốc các đơn vị trực thuộc EVNHCMC.

### **Phần III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các hồ sơ BCNCKT/BCKTKT, TKKT/TKBVTC-DT của dự án đã và đang trình các cấp có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định trước khi Quyết định này có hiệu lực, thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định 336/QĐ-EVN ngày 09/03/2020 của EVN quy định về nội dung, trình tự thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư xây dựng lưới điện đến 110 kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

2. Các hồ sơ BCNCKT/BCKTKT, TKKT/TKBVTC-DT chưa trình cấp thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2025. Các đối tượng nêu tại Khoản 2, Điều 1 có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy định này.

### **Điều 13. Sửa đổi quy định.**

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có nội dung nào chưa phù hợp hoặc có vướng mắc, khó khăn cần bổ sung, sửa đổi thì các Ban, Đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan báo cáo và đề xuất xử lý bằng văn bản để EVNHCMC xem xét giải quyết.

### **III. PHỤ LỤC:**

Các phụ lục

a) Phụ lục I: Áp dụng đối với các dự án Tổng công ty làm chủ đầu tư.

- Phụ lục I.1: Lưu đồ thẩm tra, thẩm định, phê duyệt BCKTKT, BCNCKT, TKKT, TKBVTC, DT do các đơn vị thuộc Tổng công ty phê duyệt.

- Phụ lục I.2: Lưu đồ thẩm tra, thẩm định, phê duyệt BCNCKT, TKKT, TKBVTC, DT do Tổng công ty phê duyệt.

b) Phụ lục II: Nội dung kiểm tra các dự án lưới điện đến 35 kV.

- Phụ lục II.1: Nội dung kiểm tra BCNCKT.

- Phụ lục II.2: Nội dung kiểm tra TKKT, TKBVTC, DT.

## PHỤ LỤC I

### ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN TỔNG CÔNG TY LÀM CHỦ ĐẦU TƯ

**Phụ lục I.1:** Lưu đồ thẩm tra, thẩm định, phê duyệt BCKTKT, BCNCKT, TKKT, TKBVTC, DT do các đơn vị thuộc Tổng công ty phê duyệt.

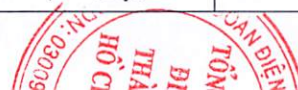
**Phụ lục I.2:** Lưu đồ thẩm tra, thẩm định, phê duyệt BCNCKT, TKKT, TKBVTC, DT do Tổng công ty phê duyệt.



## Phụ lục I.1

**LƯU ĐỒ THẨM TRA, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT BCKTKT, BCNCKT, TKKT, TKBVTC, DT  
DO CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TỔNG CÔNG TY PHÊ DUYỆT**

Stt	Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Căn cứ
1.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Lập hồ sơ (*), song song với việc thuê tư vấn thẩm tra (**)</div> <p style="text-align: center;">↓</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn lập Hồ sơ</li> <li>- Thuê tư vấn thẩm tra do đơn vị QLDA thực hiện</li> </ul>	Theo hợp đồng tư vấn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14.</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.</li> <li>- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021.</li> <li>- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021.</li> <li>- Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021.</li> <li>- Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025.</li> <li>- Điều 5 Quy định này.</li> <li>- Các quy định khác có liên quan.</li> </ul>
2.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Tổ chức góp ý, song song với việc thẩm tra</div> <p style="text-align: center;">↓</p>	Các Đơn vị liên quan theo Điều 4 Quy định này	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi các Đơn vị liên quan góp ý trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.</li> <li>- Thời gian góp ý là 05 ngày.</li> <li>- Thời gian thẩm tra theo Điều 9 Quy định này</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung thẩm tra theo Điều 5 Quy định này.</li> <li>- Mẫu báo cáo thẩm tra BCNCKT sử dụng mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 trong đó bổ sung các nội dung tính toán độc lập để đối chứng theo Điều 5 Quy định này</li> <li>- Mẫu báo cáo thẩm tra TKKT, TKBVTC sử dụng mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 trong đó bổ sung các nội dung tính toán độc lập để đối chứng theo Điều 5 Quy định này.</li> </ul>
3.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Tổng hợp ý kiến góp ý, kiểm tra hồ sơ, yêu cầu điều chỉnh, cần thiết tổ chức họp góp ý; hoặc trình thẩm định nếu hồ sơ đạt yêu</div> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Không đạt      Đạt</p>	Đơn vị QLDA	05 ngày kể từ ngày nhận kết quả góp ý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung kiểm tra hồ sơ theo Phụ lục II.1 và II.2</li> <li>- Trình trình thẩm định và danh mục tài liệu đính kèm theo mẫu ban hành tại Phụ lục I của Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với thẩm định BCKT-KT/BCNCKT ĐTXD sử dụng mẫu số 01.</li> </ul> </li> </ul>



				+ Đối với thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở sử dụng mẫu số 08.
4.	Tư vấn điều chỉnh	Tư vấn lập Hồ sơ	Tùy theo mức độ phức tạp của nội dung điều chỉnh	
5.	Kiểm tra, thẩm tra lại	Đơn vị QLDA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thẩm tra lại theo Điều 9 Quy định này.</li> <li>- Thời gian kiểm tra lại 03 ngày</li> </ul>	
6.	Thẩm định hồ sơ, yêu cầu hiệu chỉnh (nếu có)	Bộ phận thẩm định thuộc Đơn vị	Thời gian thẩm định theo Điều 9 Quy định này	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung thẩm định theo Điều 6 Quy định này.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định BCKT-KT ĐTXD sử dụng mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định BCNCKT ĐTXD sử dụng mẫu số 03 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở sử dụng mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.</li> </ul>
7.	Phê duyệt hồ sơ	Đơn vị thuộc Tổng công ty	03 ngày kể từ ngày nhận báo cáo thẩm định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo mức phân cấp cho các Đơn vị tại Quyết định số 2589/QĐ-EVNHCMC ngày 30/5/2025.</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án yêu cầu lập BCNCKT ĐTXD vận dụng mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.</li> <li>- Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án chỉ cần lập BCKT-KT ĐTXD vận dụng mẫu số 07 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.</li> <li>- Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở vận dụng mẫu số 11 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.</li> </ul>

(\*) Hồ sơ gồm: BCKTKT, BCNCKT, TKKT, TKBVTC, DT.

(\*\*) Các dự án bắt buộc thuê thẩm tra tại tất cả bước theo quy định tại Điều 5 Quy định này.



## Phụ lục I.2

## LƯU ĐỒ THẨM TRA, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT BCNCKT, TKKT, TKBVTC, DT

## ĐỒ TỔNG CÔNG TY PHÊ DUYỆT

Stt	Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian	Căn cứ
1.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Lập hồ sơ (*), song song với việc thuê tư vấn thẩm tra (**)</div> <div style="text-align: center;">↓</div>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn lập hồ sơ</li> <li>- Thuê tư vấn thẩm tra do đơn vị QLDA thực hiện</li> </ul>	Theo hợp đồng tư vấn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 của Quốc Hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14.</li> <li>- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, đã được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025.</li> <li>- Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021.</li> <li>- Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021.</li> <li>- Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021.</li> <li>- Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025.</li> <li>- Điều 5 Quy định này.</li> <li>- Các quy định khác có liên quan.</li> </ul>
2.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;">Tổ chức góp ý, song song với việc thẩm tra</div> <div style="text-align: center;">↓</div>	Các Đơn vị liên quan theo Điều 4 Quy định này	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gửi các Đơn vị liên quan góp ý trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.</li> <li>- Thời gian góp ý là 05 ngày.</li> <li>- Thời gian thẩm tra theo Điều 9 Quy định này</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung thẩm tra theo Điều 5 Quy định này.</li> <li>- Mẫu báo cáo thẩm tra BCNCKT sử dụng mẫu số 02 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 trong đó bổ sung các nội dung tính toán độc lập để đối chứng theo Điều 5 Quy định này</li> <li>- Mẫu báo cáo thẩm tra TKKT, TKBVTC sử dụng mẫu số 09 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 trong đó bổ sung các nội dung tính toán độc lập để đối chứng theo Điều 5 Quy định này.</li> <li>- Mẫu báo cáo thẩm tra TMĐT/DT sử dụng mẫu số 01 và 04 Phụ lục X Thông tư 11/20201/TT-BXD ngày 31/8/2021.</li> </ul>



3.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Tổng hợp ý kiến góp ý, kiểm tra hồ sơ, yêu cầu điều chỉnh, cần thiết tổ chức họp góp ý; hoặc chuyển bộ phận thẩm định thuộc đơn vị kiểm</p> </div> <p style="text-align: center;">↓</p> <p style="text-align: center;">Không đạt      Đạt</p>	Đơn vị QLDA	05 ngày kể từ ngày nhận kết quả góp ý	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung kiểm tra hồ sơ theo Phụ lục II.1 và II.2</li> <li>- Tờ trình thẩm định và danh mục tài liệu đính kèm theo mẫu ban hành tại Phụ lục I của Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đối với thẩm định BCKTKT/BCNCKT ĐTXD sử dụng mẫu số 01.</li> <li>+ Đối với thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở sử dụng mẫu số 08.</li> </ul> </li> </ul>
4.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Tư vấn điều chỉnh</p> </div> <p style="text-align: center;">↓</p>	Tư vấn lập Hồ sơ	Tùy theo mức độ phức tạp của nội dung điều chỉnh	
5.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Kiểm tra, thẩm tra lại</p> </div> <p style="text-align: center;">↓</p>	Đơn vị QLDA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thẩm tra lại theo Điều 9 Quy định này.</li> <li>- Thời gian kiểm tra lại 03 ngày</li> </ul>	
6.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Kiểm tra trước khi trình lãnh đạo Đơn vị thông qua để trình Tổng công ty</p> </div> <p style="text-align: center;">↓</p>	Bộ phận thẩm định Đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian kiểm tra hồ sơ tính bằng 1/2 thời gian thẩm tra theo Điều 9 Quy định này</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung kiểm tra hồ sơ theo Phụ lục II.1 và II.2 của Quy định này</li> </ul>
7.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Lãnh đạo đơn vị thông qua, trình Tổng công ty</p> </div> <p style="text-align: center;">↓</p>	Lãnh đạo đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 03 ngày kể từ ngày nhận được đề xuất</li> </ul>	
8.	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <p>Thẩm định hồ sơ, yêu cầu hiệu chỉnh (nếu có)</p> </div>	Bộ phận thẩm định Tổng công ty	Thời gian thẩm định theo Điều 9 Quy định này	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung thẩm định theo Điều 6 Quy định này.</li> <li>- Thông báo kết quả thẩm định BCKT-KT ĐTXD sử dụng mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024.</li> </ul>



**PHỤ LỤC II**

**NỘI DUNG KIỂM TRA CÁC DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN ĐẾN 35 kV**

**Phụ lục II.1: Nội dung kiểm tra BCNCKT**

**Phụ lục II.2: Nội dung kiểm tra TKKT, TKBVTC, DT**



## Phụ lục II.1: NỘI DUNG KIỂM TRA BCNCKT

Dự án: .....

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
1	Hồ sơ pháp lý và cơ sở lập đề án:			
	<i>gồm các hồ sơ pháp lý chủ yếu sau đây:</i>			
	- Các văn bản, quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng liên quan đến khu vực xây dựng dự án, quyết định phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp.			
	- Văn bản thỏa thuận vị trí trạm, hướng tuyến đường dây của UBND tỉnh/ thành phố hoặc của cơ quan có thẩm quyền, văn bản tham vấn cộng đồng đối với các vị trí đặt trên vỉa hè theo quy định của địa phương.			
	- Thỏa thuận đường dây đi trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông với cơ quan có thẩm quyền (nếu có)			
	- Xác nhận về số liệu điều tra, thu thập số liệu về lưới điện hiện trạng (như số liệu phụ tải, tổn thất, thông số kỹ thuật vận hành lưới điện hiện có...) với đơn vị Quản lý vận hành			
	- Biên bản họp với đơn vị Quản lý vận hành, điều độ về phương án thi công cắt điện (nếu có)			
	- Biên bản nghiệm thu khảo sát của đơn vị QLDA và tư vấn			
	- Kết quả thẩm tra của tư vấn thẩm tra (đối với các dự án thuê tư vấn thẩm tra), đặc biệt là các bảng tính độc lập để đối chứng theo quy định tại Điều 6.			
	- Văn bản xác nhận nguồn vốn thực hiện dự án			
	- Các văn bản khác theo đặc thù của từng dự án			
2	Nội dung, thành phần, biên chế đề án (theo các quy định hiện hành của nhà nước và Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025)			Việc biên chế có đầy đủ hay không

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
3	Sự phù hợp về quy hoạch phát triển điện lực Thành phố đã phê duyệt; quy hoạch xây dựng, quy hoạch kinh tế - xã hội dựa trên cơ sở các văn bản, tài liệu quy hoạch của ngành và của địa phương (nếu có)			Có trong quy hoạch của Thành phố hay không
4	Sự phù hợp của phương án công nghệ, quy mô, công suất:			
a	Về sự cần thiết phải đầu tư:			Có đầy đủ các số liệu hay không có các số liệu
	- Lưới điện hiện trạng: Mô tả tình trạng lưới điện hiện trạng, các số liệu vận hành (tổn thất điện áp, tổn thất công suất, tổng thất điện năng), khả năng mang tải, khả năng đáp ứng trong tương lai.			
	- Nhu cầu phụ tải: cân đối công suất nguồn và tải, dự báo phụ tải.			
	- Việc làm rõ sự cần thiết phải đầu tư, mục tiêu, hiệu quả mang lại của dự án.			
b	Về lựa chọn phương án công nghệ, quy mô, công suất:			
	- Phương án đầu tư về quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật (khả năng mang tải, tổn thất điện áp, tổn thất công suất...) và vị trí xây dựng phải phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (dự báo phụ tải), quy hoạch đô thị của địa phương và phạm vi nguồn vốn.			Có phù hợp với các thỏa thuận hay không
5	Sự phù hợp của thiết kế trong dự án: tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với công trình; thể hiện được các thông số hình học, kỹ thuật chủ yếu; đảm bảo đủ điều kiện lập TMDT.			Có đầy đủ các bản vẽ, số liệu giữa bản vẽ có đầy đủ hay không.
a	Phù hợp với phương án tuyến và nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt			
b	Phù hợp với thiết kế chuẩn của EVN ban hành tại Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của EVN và các quy định, văn bản hiện hành của Tổng công ty			
c	Có đầy đủ các bản vẽ và thông số kỹ thuật:			
c.1	Đường dây:			

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
	- Có bản vẽ tổng mặt bằng, sơ đồ nối điện khu vực hiện trạng, sơ đồ nối điện khu vực sau khi có dự án (đối với tuyến đi trong đô thị phải có bản vẽ mặt bằng riêng biệt)			
	- Có bản vẽ sơ đồ cột đầu nối, đảo pha ...;			
	- Có bản vẽ mặt cắt dọc (đối với tuyến đi trong đô thị thì không cần)			
	- Có bản vẽ mặt cắt ngang bố trí cột đối với tuyến đi trong đô thị, trong hành lang đường bộ, ...			
	- Có bản vẽ mặt cắt giao chéo/vượt với các đường dây điện, thông tin liên lạc hiện có, vượt đường giao thông, vượt sông ...			
	- Có bản vẽ chi tiết xử lý các công trình đặc biệt như: giao chéo/vượt với các đường dây điện, thông tin liên lạc hiện có; sông; núi; đầm lầy; chướng ngại vật; kè móng...			
	- Có bản vẽ chi tiết sơ đồ cột, sơ đồ móng, tiếp địa, số thứ tự, thứ tự pha ...			
c.2	Trạm biến áp/xuất tuyến:			
	- Có bản vẽ mặt bằng vị trí trạm và đầu nối (có thể hiện các tuyến đường dây vào/ra, có dự kiến cho tương lai)			
	- Có bản vẽ sơ đồ lưới điện khu vực (thể hiện trước và sau dự án)			
	- Có bản vẽ nhất thứ: sơ đồ nối điện chính; mặt bằng, mặt cắt bố trí thiết bị; nổi đất chống sét, chiếu sáng, ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có bản vẽ nhị thứ: sơ đồ phương thức bảo vệ và đo lường; sơ đồ nguyên lý hệ thống điều khiển, tự dùng AD&DC, đo đếm, bố trí tủ bảng trong NĐK... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có bản vẽ hệ thống thông tin liên lạc: hệ thống viễn thông hiện hữu, đầu nối cáp quang, các tuyến kênh thông tin (nếu có), cấp nguồn, nổi đất,... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có bản vẽ SCADA: nguyên lý kết nối RTU, EIDs, HMI (nếu có); cấp nguồn, tiếp đất, chống sét cho hệ thống RTU, HMI (nếu có); danh sách dữ liệu datalist...;			

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
	- Có bản vẽ phần xây dựng: tổng mặt bằng, mặt bằng san nền, mặt bằng xây dựng, móng thiết bị, mương cáp... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có thể hiện đầy đủ khối lượng công tác xây lắp, vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị ... phục vụ lập TMĐT			
d	Có đầy đủ các phụ lục tính toán			
6	Tình hình sử dụng đất đai, tài nguyên môi trường, kế hoạch tái định cư (nếu có), ảnh hưởng đến môi trường, các vấn đề xã hội.			Có hay không có
7	Sự phù hợp của TMĐT với quy mô dự án: gồm các nội dung chính sau đây:			Có phù hợp hay không
	- Việc tính tiên lượng trên cơ sở quy mô và giải pháp kỹ thuật.			
	- Việc cập nhật tiên lượng theo thiết kế vào TMĐT.			
	- Việc áp dụng hợp lý các đơn giá VTTB, đơn giá, định mức và chế định chính sách hiện hành trong việc lập TMĐT.			
	- Sự phù hợp của TMĐT so với phạm vi nguồn vốn cho phép (nếu dự án có yêu cầu phạm vi nguồn vốn).			
	- Có phân tích, so sánh với suất vốn đầu tư do EVN, EVNHCMC ban hành, giải trình tăng/giảm			
8	Phân tích kinh tế tài chính: Kiểm tra sự phù hợp trong việc áp dụng phương pháp tính, các thông số đầu vào, đầu ra, ...			
9	Sự phù hợp của báo cáo khảo sát theo nhiệm vụ khảo sát được duyệt, nội dung khảo sát theo quy định hiện hành			Phù hợp hay không phù hợp
10	Sự đầy đủ của các bảng thống kê: diện tích chiếm đất, diện tích từng loại đất công trình chiếm chỗ, từng địa phương tuyến đi qua, nhà cửa, cây cối trong hành lang tuyến, giao chéo/vượt đường giao thông, giao chéo/vượt đường dây điện hiện có ...			Có đầy đủ số liệu hay không

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
11	<p>Sự phù hợp các giải pháp bảo vệ môi trường (một trong nội dung cần thực hiện của BCNCKT được quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng 2014): gồm các nội dung chính sau đây:</p>			Có phù hợp hay không
	<p>- Dự báo các loại chất thải phát sinh, tác động đến môi trường.</p>			
	<p>- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công xây dựng gồm: phương án thu gom, quản lý chất thải; biện pháp, công nghệ xử lý nước thải; biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải; phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại; phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; phương án quản lý, biện pháp, công nghệ xử lý chất thải khác; phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đến môi trường; các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải của dự án gây ra.</p>			

**Phụ lục II.2:**

**NỘI DUNG KIỂM TRA TKKT, TKBVTC, DT**

**Dự án:** .....

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
1	Hồ sơ pháp lý và cơ sở lập đề án: - Bổ sung các văn bản pháp lý còn thiếu ở giai đoạn lập BCNCKT - Biên bản xác nhận biện pháp tổ chức xây dựng có tham gia đơn vị QLDA, tư vấn, chủ đầu tư (nếu có) (giai đoạn lập TK) - Văn bản thỏa thuận bố trí cột trên mặt cắt ngang đường với cơ quan có thẩm quyền (đối với các tuyến đường dây đi dọc đường giao thông) - Biên bản họp với đơn vị Quản lý vận hành, điều độ về phương án thi công cắt điện (nếu có) - Biên bản nghiệm thu khảo sát của đơn vị QLDA và tư vấn (nếu giai đoạn lập TK có khảo sát) hoặc sử dụng số liệu khảo sát tại giai đoạn lập BCNCKT - Kết quả thẩm tra của tư vấn thẩm tra (đối với các dự án thuê tư vấn thẩm tra), đặc biệt là các bảng tính độc lập để đối chứng theo quy định tại Điều 6. - Các văn bản khác theo đặc thù của từng dự án			
2	Nội dung, thành phần, biên chế đề án (theo các quy định hiện hành của nhà nước và Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của EVN)			Việc biên chế có đầy đủ hay không
3	Sự phù hợp với BCNCKT đã được phê duyệt Kiểm tra sự phù hợp của thiết kế so với BCNCKT được duyệt; có so sánh, giải trình sự sai khác quy mô, giải pháp kỹ thuật (nếu có)			
4	Sự phù hợp của thiết kế trong dự án: tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với công trình; thể hiện được các thông số hình học, kỹ thuật chủ yếu; đảm bảo đủ điều kiện lập DT/TDT.			Có đầy đủ các bản vẽ, số liệu giữa bản vẽ có đầy đủ hay không.
a	Phù hợp với phương án tuyến và nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt			



TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
b	Phù hợp với thiết kế chuẩn của EVN ban hành tại Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của EVN và các quy định hiện hành của các Tổng công ty			
c	Có đầy đủ các bản vẽ và thông số kỹ thuật:			
c.1	Đường dây:			
	- Có bản vẽ tổng mặt bằng, sơ đồ nối điện khu vực hiện trạng, sơ đồ nối điện khu vực sau khi có dự án (đối với tuyến đi trong đô thị phải có bản vẽ mặt bằng riêng biệt)			
	- Có bản vẽ sơ đồ cột đầu nối, đảo pha ...;			
	- Có bản vẽ mặt cắt dọc (đối với tuyến đi trong đô thị thì không cần)			
	- Có bản vẽ mặt cắt ngang bố trí cột đối với tuyến đi trong đô thị, trong hành lang đường bộ, ...			
	- Có bản vẽ mặt cắt giao chéo/vượt với các đường dây điện, thông tin liên lạc hiện có, vượt đường giao thông, vượt sông ...			
	- Có bản vẽ chi tiết xử lý các công trình đặc biệt như: giao chéo/vượt với các đường dây điện, thông tin liên lạc hiện có; sông; núi; đầm lầy; chướng ngại vật; kê móng...			
	- Có bản vẽ chi tiết sơ đồ cột, sơ đồ móng, tiếp địa, số thứ tự, thứ tự pha ...			
c.2	Trạm biến áp/xuất tuyến:			
	- Có bản vẽ mặt bằng vị trí trạm và đầu nối (có thể hiện các tuyến đường dây vào/ra, có dự kiến cho tương lai)			
	- Có bản vẽ sơ đồ lưới điện khu vực (thể hiện trước và sau dự án)			
	- Có bản vẽ nhất thứ: sơ đồ nối điện chính; mặt bằng, mặt cắt bố trí thiết bị; nối đất chống sét, chiếu sáng, ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có bản vẽ nhị thứ: sơ đồ phương thức bảo vệ và đo lường; sơ đồ nguyên lý hệ thống điều khiển, tự dùng AD&DC, đo đếm, bố trí tủ bảng trong NĐK ... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
	- Có bản vẽ hệ thống thông tin liên lạc: hệ thống viễn thông hiện hữu, đầu nối cáp quang, các tuyến kênh thông tin (nếu có), cấp nguồn, nối đất,... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có bản vẽ SCADA: nguyên lý kết nối RTU, EIDs, HMI (nếu có); cấp nguồn, tiếp đất, chống sét cho hệ thống RTU, HMI (nếu có); danh sách dữ liệu datalist...;			
	- Có bản vẽ phần xây dựng: tổng mặt bằng, mặt bằng san nền, mặt bằng xây dựng, móng thiết bị, mương cáp... (có thể hiện trước và sau dự án đối với dự án cải tạo, mở rộng)			
	- Có thể hiện đầy đủ khối lượng công tác xây lắp, vật liệu, vật tư, máy móc, thiết bị ... phục vụ lập DT/TDT			
d	Có đầy đủ các phụ lục tính toán			
5	Sự phù hợp của báo cáo khảo sát theo nhiệm vụ khảo sát được duyệt, nội dung khảo sát theo quy định hiện hành			Phù hợp hay không phù hợp
6	Sự đầy đủ của các bảng thống kê: diện tích chiếm đất, diện tích từng loại đất công trình chiếm chỗ, từng địa phương tuyến đi qua, nhà cửa, cây cối trong hành lang tuyến, giao chéo/vượt đường giao thông, giao chéo/vượt đường dây điện hiện có ...			Có đầy đủ số liệu hay không
7	Sự phù hợp của DT/TDT với quy mô dự án: gồm các nội dung chính sau đây:			Có phù hợp hay không
	- Việc tính toán trên cơ sở quy mô và giải pháp kỹ thuật.			
	- Việc cập nhật tiên lượng theo thiết kế vào DT/TDT.			
	- Việc áp dụng hợp lý các đơn giá VTTB, đơn giá, định mức và chế định chính sách hiện hành trong việc lập DT/TDT.			
	- Sự phù hợp của DT/TDT so với phạm vi nguồn vốn cho phép (nếu dự án có yêu cầu phạm vi nguồn vốn).			
	- Có phân tích, so sánh với TMĐT, giải trình tăng giảm (nếu có)			
	- Có phân tích, so sánh với suất vốn đầu tư do EVN, EVNHCMC ban hành, giải trình tăng/giảm			

TT	Nội dung kiểm tra	Có	Không	Ghi chú
8	<p>Sự phù hợp các giải pháp bảo vệ môi trường (một trong nội dung cần thực hiện của thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở được quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014): gồm các nội dung chính sau đây:</p>			Có phù hợp hay không
	<p>- Dự báo các loại chất thải phát sinh, tác động đến môi trường.</p>			
	<p>- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công xây dựng gồm: phương án thu gom, quản lý chất thải; biện pháp, công nghệ xử lý nước thải; biện pháp, công nghệ giảm thiểu, xử lý bụi, khí thải; phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại; phương án lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; phương án quản lý, biện pháp, công nghệ xử lý chất thải khác; phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác của dự án đến môi trường; các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải của dự án gây ra.</p>			

